

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG

KHOA KẾ TOÁN

...□□□□□□□□...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH TIN HỌC VIỄN THÔNG SAO XANH**

Giảng viên hướng dẫn:

Sinh viên thực hiện:

Lớp:

Mã số sinh viên:

Hệ đào tạo:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2021

LỜI CẢM ƠN

Trải qua thời gian thực tập và làm bài khóa luận, em đã nhận được rất nhiều sự ủng hộ và giúp đỡ từ thầy cô, cơ quan thực tập. Lời đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới giáo viên hướng dẫn Tiến Sĩ **AAAAA** đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô Khoa Kế toán – Tài chính nói riêng và Trường Đại học Kinh tế TP.HCM nói chung đã trang bị cho em những kiến thức và kinh nghiệm quý giá trong quá trình học tập tại trường và tạo điều kiện cho em thực hiện đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh, chị, cô, chú phòng Kế toán tại Công ty TNHH Tin Học Viễn Thông Sao Xanh đã nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp các thông tin, tài liệu và tạo mọi điều kiện thuận lợi để em có thể hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do hạn chế về thời gian cũng như trình độ, kỹ năng và kiến thức còn hạn hẹp nên chắc chắn bài làm không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ bảo từ các thầy cô và các bạn.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
ĐVT	: Đơn vị tính
DN	: Doanh nghiệp
GTGT	: Giá trị gia tăng
KQKD	: Kết quả kinh doanh
TSCĐ	: Tài sản cố định
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
HĐ	: Hóa đơn

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	16
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán doanh thu tài chính	18
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	20
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	24
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	27
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	30
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán chi phí khác.	32
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ kế toán thuế TNDN	35
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ kế toán chi phí thuế TNDN	35
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ kế toán xác định KQKD	38
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy công ty TNHH	41
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung	52

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2. 1: Trích sổ nhật ký chung
Biểu số 2. 2: Trích sổ cái 511
Biểu số 2. 3. Trích sổ nhật ký chung
Biểu số 2. 4. Trích sổ cái 632
Biểu số 2. 5. Trích sổ nhật ký chung
Biểu số 2. 6. Trích sổ cái TK 515
Biểu số 2. 7: Bảng tính và phân bổ tiền lương
Biểu số 2. 8. Trích sổ nhật ký chung
Biểu số 2. 9. Trích sổ cái TK 642
Biểu số 2. 10. Phiếu kế toán
Biểu số 2. 12. Phiếu kế toán
Biểu số 2. 14. Phiếu kế toán
Biểu số 2. 15. Phiếu kế toán
Biểu số 2. 16. Phiếu kế toán
Biểu số 2. 17. Nhật kí chung
Biểu số 2. 18. Trích sổ cái TK 911
Biểu số 2. 19. Trích sổ cái TK 821
Biểu số 2. 20. Trích sổ cái TK 421

CHƯƠNG 1 : KẾ TOÁN DOANH THU - CHI PHÍ - KQ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu – chi phí - kqhđkd.

1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.2. Yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .

1.2.1.1. Phân loại các hình thức bán hàng và chứng từ, thủ tục bán hàng.

1.2.1.2. Nguyên tắc tính giá bán và tính doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ

1.2.1.3. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2.1. Các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.2. Chứng từ và thủ tục liên quan Các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.3. Nguyên tắc đánh giá và ghi nhận khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Nội dung kinh tế giá vốn hàng bán

1.2.3.2. Nguyên tắc và phương pháp tính giá vốn hàng bán

1.2.3.3. Chứng từ ghi nhận giá vốn

1.2.3.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán

1.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu tài chính

1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5.1. Nội dung kinh tế chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5.2. Nguyên tắc tính chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5.3. Chứng từ chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.6. Kế toán thu nhập và chi phí hoạt động khác

1.2.6.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

- 1.2.6.2. Kế toán chi phí hoạt động khác
- 1.2.7. Kế toán kết quả hoạt động kinh doanh
 - 1.2.7.1. Nội dung, công thức và thời kỳ tính kết quả hoạt động kinh doanh
 - 1.2.7.2. Trình tự tổng hợp doanh thu, chi phí và tính kết quả hoạt động kinh doanh
 - 1.2.7.3. Chứng từ kết chuyển thu nhập, chi phí và quả hoạt động kinh doanh
 - 1.2.7.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh
 - 1.2.7.6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 1.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - 1.2.8.1. Khái quát về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - 1.2.8.2. Chứng từ ghi nhận các khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - 1.2.8.3. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết luận chương 1

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU - CHI PHÍ - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TIN HỌC VIỄN THÔNG SAO XANH

2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Tin Học Viễn Thông Sao Xanh

- 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển
- 2.1.2. Chức năng – Nhiệm vụ – phương hướng phát triển
- 2.1.3. Đặc điểm kinh tế – kỹ thuật – tổ chức quản lý
 - 2.1.3.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh
 - 2.1.3.2. Đặc điểm quy trình kinh doanh và và tổ chức mạng lưới kinh doanh
 - 2.1.3.3. Đặc điểm tổ chức quản lý
- 2.1.4. Đặc điểm tài chính và tổ chức công tác kế toán
 - 2.1.4.1. Đặc điểm tài chính
 - 2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Tin Học Viễn Thông Sao Xanh

- 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - 2.2.1.1. Phân loại các hình thức bán hàng và chứng từ, thủ tục bán hàng và cung cấp dịch vụ

- 2.2.1.2. Nguyên tắc tính giá bán và tính doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ
- 2.2.1.3. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp doanh thu
- 2.2.1.4. Sổ kế toán và quy trình ghi chép vào sổ kế toán cụ thể tại công ty
- 2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - 2.2.2.1. Các khoản giảm trừ doanh thu
 - 2.2.2.2. Chứng từ và thủ tục liên quan Các khoản giảm trừ doanh thu
 - 2.2.2.3. Nguyên tắc đánh giá và ghi nhận khoản giảm trừ doanh thu
 - 2.2.2.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu
 - 2.2.2.5. Sổ kế toán và quy trình ghi chép vào sổ kế toán cụ thể tại công ty
- 2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán
 - 2.2.3.1. Nội dung kinh tế giá vốn hàng bán.
 - 2.2.3.2. Nguyên tắc và phương pháp tính giá vốn hàng bán
 - 2.2.3.3. Chứng từ ghi nhận giá vốn
 - 2.2.3.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán
 - 2.2.3.5. Sổ kế toán và quy trình ghi chép vào sổ kế toán cụ thể tại công ty
- 2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính
 - 2.2.4.1. Kế toán doanh thu tài chính
 - 2.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính.
- 2.2.5. Kế toán chi phí bán hàng
 - 2.2.5.1. Nội dung kinh tế chi phí bán hàng.
 - 2.2.5.2. Nguyên tắc tính giá phí bán hàn.
 - 2.2.5.3. Chứng từ chi phí bán hàng
 - 2.2.5.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp chi phí bán hàng
 - 2.2.5.5. Sổ kế toán và quy trình ghi chép vào sổ kế toán cụ thể tại công ty
- 2.2.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp
 - 2.2.6.1. Nội dung kinh tế chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - 2.2.6.2. Nguyên tắc tính chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - 2.2.6.3. Chứng từ chi phí quản lý doanh nghiệp
 - 2.2.6.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp
 - 2.2.6.5. Sổ kế toán và quy trình ghi chép vào sổ kế toán tổng hợp cụ thể tại công ty
- 2.2.7. Kế toán thu nhập và chi phí hoạt động khác
 - 2.2.7.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

2.2.7.2. Kế toán chi phí hoạt động khác

2.2.8. Kế toán kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.8.1. Nội dung, công thức và thời kỳ tính kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.8.2. Trình tự tổng hợp doanh thu, chi phí và tính kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.9.3. Chứng từ kết chuyển doanh thu, chi phí và quả hoạt động kinh doanh

2.2.8.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.8.5. Sổ kế toán và quy trình ghi chép vào sổ kế toán cụ thể tại công ty

2.2.8.6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.9.1. Khái quát về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.9.2. Chứng từ ghi nhận các khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.9.3. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.9.4. Sổ kế toán và quy trình ghi chép trên sổ tại công ty

Kết luận chương 2

CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Nhận xét và kiến nghị chung về tổ chức công tác kế toán

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp, các tổ chức, các công ty kinh doanh sản xuất các loại mặt hàng tương tự nhau diễn ra hết sức gay gắt. Vì vậy thị trường là vấn đề sống còn của các doanh nghiệp, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đều phải gắn liền với thị trường cho nên bản thân các doanh nghiệp phải tìm nguồn mua và tiêu thụ.

Bên cạnh đó, mục đích hoạt động của doanh nghiệp là lợi nhuận nên việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh đúng và chính xác là rất quan trọng. Do vậy, bên cạnh các biện pháp quản lý chung, việc tổ chức hợp lý công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là rất cần thiết giúp cho doanh nghiệp có đầy đủ thông tin kịp thời và chính xác để đưa ra quyết định đúng đắn.

Doanh nghiệp kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao là cơ sở doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển ngày càng bền vững, chắc chắn trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh sôi động và quyết liệt.

Để duy trì được sự phát triển bền vững với hiệu quả kinh tế cao các doanh nghiệp cũng cần phải trang bị cho mình những kiến thức về phân tích hoạt động kinh doanh nhằm biết cách đánh giá các kết quả vừa đạt được và hiệu quả của hoạt động kinh doanh, biết cách xác định và phân tích có hệ thống các nhân tố tác động thuận lợi và không thuận lợi đến hoạt động kinh doanh. Từ đó, đề xuất các giải pháp phát triển các nhân tố tác động tích cực, hạn chế và loại bỏ các nhân tố có ảnh hưởng xấu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Nhận thấy được tầm quan trọng đó nên em đã chọn đề tài: “Kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Tin học viễn thông Sao Xanh” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

Nhằm hiểu rõ hiệu quả kinh doanh qua các báo cáo tài chính của kế toán, cụ thể doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty

Hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của báo cáo tài chính đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư, Nhà nước ...

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tin Học Viễn Thông Sao Xanh

4. Phạm vi nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Năm 2021

Số liệu sử dụng trong bài luận: Chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính năm 2020

Không gian nghiên cứu: Tại công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

5. Phương pháp nghiên cứu

Các số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách quan sát thực tế, tập hợp, thống kê, ...

Các số liệu thứ cấp được tổng hợp thông qua các bản báo cáo của kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, tham khảo các tài liệu liên quan trên internet, sách, báo, tạp chí, cục thống kê,...

Phương pháp thống kê: thống kê các bảng biểu, số liệu từ đó rút ra các kết luận, các xu hướng để đánh giá tình hình hoạt động của công ty.

6. Kết cấu của bài luận

Ngoài phần mở đầu, lời cảm ơn, kết cấu chính của báo cáo gồm 3 chương:

- **Chương 1: Kế toán Doanh thu- Chi phí- Kết quả hoạt động kinh doanh**
- **Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu – Chi phí – Kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Tin Học Viễn Thông Sao Xanh**
- **Chương 3: Nhận xét và Kiến nghị**

CHƯƠNG 1: KẾ TOÁN DOANH THU- CHI PHÍ- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

1.1. Những vấn đề chung về Doanh thu- Chi phí- Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1. Khái niệm Doanh thu, Chi phí, Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kì kế toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện của số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định.

1.1.2. Yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh

Mục tiêu của các DN là tồn tại phát triển và tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó, thì các nhà quản trị DN phải kiểm soát được mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của DN trên nền tảng một hệ thống thông tin quản lý chính xác, kịp thời, trung thực, khách quan do kế toán. Trong đó, có thông tin kế toán doanh thu, chi phí và KQKD.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có nhiệm vụ tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả của hoạt động kinh doanh. Xác định chính xác KQKD góp phần cung cấp thông tin, giúp DN nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm.

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Phân loại các hình thức bán hàng và chứng từ, thủ tục bán hàng.

Các hình thức bán hàng:

Phương pháp bán hàng trực tiếp cho khách hàng

- Phương pháp bán buôn trong nước
- Phương thức bán hàng xuất khẩu

Các chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu, phiếu chi

- Giấy báo Nợ, giấy báo Có

1.2.1.2. Nguyên tắc tính giá bán và tính doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ

Có 3 cách tính giá vốn hàng bán như sau:

Công thức tính FIFO (Nhập trước xuất trước)

Cách tính này ý là nhập trước thì xuất trước. Công thức tính giá vốn FIFO chỉ phù hợp với các mặt hàng có hạn sử dụng, hoặc các cửa hàng điện máy, máy tính, điện thoại hay sử dụng. Trong mô hình bán lẻ tạp hóa rất hiếm dùng, vì việc tính toán dữ liệu rắc rối và phức tạp.

Khi giá tăng, kết quả theo phương pháp FIFO, giá vốn hàng bán thấp hơn. Điều này trong điều kiện lạm phát, làm tăng thu nhập ròng và kết quả là mức đóng thuế TNDN cao hơn.

Công thức tính LIFO (Nhập sau xuất trước)

Cách tính LIFO (nhập sau xuất trước) ngày nay rất ít khi được sử dụng, giờ chỉ còn 2 nước là Mỹ và Nhật chấp nhận cách tính này. Tuy nhiên, Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) tại Mỹ họ lại phủ nhận vì cho rằng công thức tính như trên thiếu sự chính xác.

Một nhược điểm rất rõ ràng trong cách tính giá vốn hàng bán LIFO là định giá hàng tồn kho không đáng tin cậy, trong trường hợp hàng tồn kho là sản phẩm cũ và có giá trị lỗi thời với giá hiện hành.

Công thức tính Bình quân gia quyền trong giá vốn hàng bán

Phương pháp tính giá vốn hàng bán này gọi là Bình quân gia quyền, hiện đang được **phần mềm quản lý bán hàng Sapo** sử dụng để tính toán giá trị hàng tồn kho. Nhiều nơi khác, công thức tính này còn có tên gọi Bình quân Di Động, hay Bình Quân Liên Hoàn... Và đây cũng là phương pháp tính giá vốn phổ biến nhất mà các phần mềm tân tiến ngày nay đang áp dụng.

Theo phương pháp tính này, mỗi lần nhập hàng thì giá vốn sẽ được tính lại theo công thức:

$$MAC = (A + B) / C$$

Với:

- **MAC:** Giá vốn của sản phẩm tính theo bình quân tức thời
- **A:** Giá trị kho hiện tại trước nhập = Tồn kho trước nhập * giá MAC trước nhập
- **B:** Giá trị kho nhập mới = Tồn nhập mới * giá nhập kho đã phân bổ chi phí
- **C:** Tổng tồn = Tồn trước nhập + tồn sau nhập

Với phương pháp tính giá vốn hàng bán này, cần đảm bảo thông tin số hàng tồn kho của bạn phải chính xác tuyệt đối. Bởi khi số lượng hàng tồn sai, sẽ dẫn đến cả tử số và mẫu số đều sai. Giá vốn hàng bán sai thì sẽ không thể tính lãi gộp và giá trị tồn kho đúng được.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Nguyên tắc 1: Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Nguyên tắc 2: Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

– Một hợp đồng kinh tế có thể bao gồm nhiều giao dịch. Kế toán phải nhận biết các giao dịch để áp dụng các điều kiện ghi nhận doanh thu phù hợp.

– Doanh thu phải được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn là hình thức hoặc tên gọi của giao dịch và phải được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa, dịch vụ.

– Đối với các giao dịch làm phát sinh nghĩa vụ của người bán ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, doanh thu phải được phân bổ theo giá trị hợp lý của từng nghĩa vụ và được ghi nhận khi nghĩa vụ đã được thực hiện.

Nguyên tắc 3: Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế; Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản, nợ phải trả không được coi là chưa thực hiện do tại thời điểm đánh giá lại, đơn vị đã có quyền đối với tài sản và đã có nghĩa vụ nợ hiện tại đối với các khoản nợ phải trả, ví dụ: Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá

lại tài sản mang đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác, đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý đều được coi là đã thực hiện.

Nguyên tắc 4: Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba

Nguyên tắc 5: Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc 6: Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1.3. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Kế toán mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi riêng doanh thu của từng loại sản phẩm hàng hóa
- Kế toán tổng hợp
- Sử dụng TK 511 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của DN thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

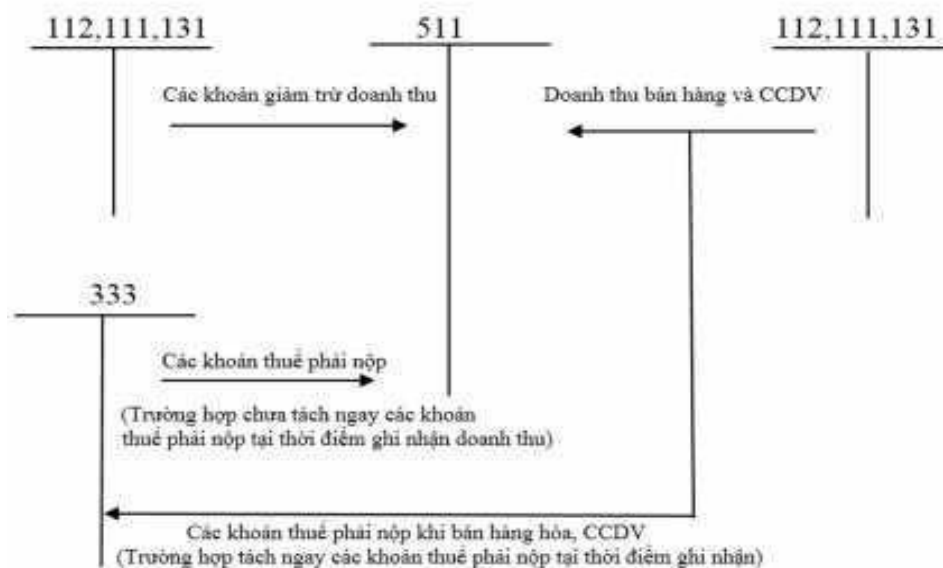
- Kết cấu tài khoản:

TK 511

+ Các khoản thuế gián thu phải nộp. Chẳng hạn như thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường; + Các khoản giảm trừ doanh thu; + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định KQKD”.	Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
--	--

- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2.1. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại và giảm giá hàng bán.

+ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp giảm giá bán niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.

+ Hàng bán trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

+ Giảm giá hàng bán là hàng đã tiêu thụ sau đó người bán giảm trừ cho người mua một khoản tiền do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách.

1.2.2.2. Chứng từ và thủ tục liên quan Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chứng từ sử dụng Chiết khấu thương mại

+Hợp đồng chiết khấu

+Bảng tính chiết khấu

+Hóa đơn GTGT, Hóa đơn chiết khấu

- Chứng từ sử dụng Hàng bán trả lại:

+ Biên bản hàng bán trả lại

+ Hóa đơn hàng bán trả lại

+ Chứng từ nhập kho

- Chứng từ sử dụng Giảm giá hàng bán

+ Hóa đơn

+ Biên bản giảm giá

1.2.2.3. Nguyên tắc tính giá và ghi nhận khoản giảm trừ doanh thu

a) Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại; giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

b) Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

-Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

-Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

c) Chiết khấu thương mại phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Bên bán hàng thực hiện kế toán chiết khấu thương mại theo những nguyên tắc sau:

-Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

-Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các trường hợp như:

-Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng;

- Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ.

d) Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Bên bán hàng thực hiện kế toán giảm giá hàng bán theo những nguyên tắc sau:

-Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (doanh thu thuần).

-Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng (đã ghi nhận doanh thu) và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

đ) Đối với hàng bán bị trả lại, tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

e) Kế toán phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại cho từng khách hàng và từng loại hàng bán, như: bán hàng (sản phẩm, hàng hoá), cung cấp dịch vụ. Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ sang tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng

và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ báo cáo.

1.2.2.3. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu

Với sự ra đời của thông tư 133 thì một số tài khoản cũ đã được thay thế bằng những tài khoản mới. Trong đó, có tài khoản 521- tài khoản giảm trừ doanh thu đã bị xóa bỏ, thay vào đó là các khoản chiết khấu, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được ghi giảm trực tiếp vào bên nợ tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Sơ đồ phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Nội dung kinh tế giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị vốn của hàng bán đã tiêu thụ trong một khoảng thời gian cụ thể (trong một kỳ). Giá vốn hàng bán bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến quá trình tạo ra sản phẩm.

1.2.3.2. Nguyên tắc và phương pháp tính giá vốn hàng bán

Nguyên tắc giá gốc là tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc, trong đó giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận. Giá gốc của tài sản không được thay đổi trừ khi có quy định khác trong chuẩn mực kế toán cụ thể.

Giá trị các chỉ tiêu về tài sản, công nợ, chi phí,... được phản ánh theo giá ở thời điểm mua tài sản đó, không phải giá trị tại thời điểm xác định giá tài sản tính theo giá thị trường.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình mua ngoài được doanh nghiệp xác định dựa vào nguồn hình thành tài sản:

Nguyên giá = Giá mua tính trên hóa đơn + Chi phí lắp đặt, chạy thử – Chiết khấu giảm giá (nếu có)

Các phương pháp tính giá xuất kho:

Phương pháp tính theo giá đích danh: Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

1.2.3.3. Chứng từ ghi nhận giá vốn

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan

1.2.3.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán

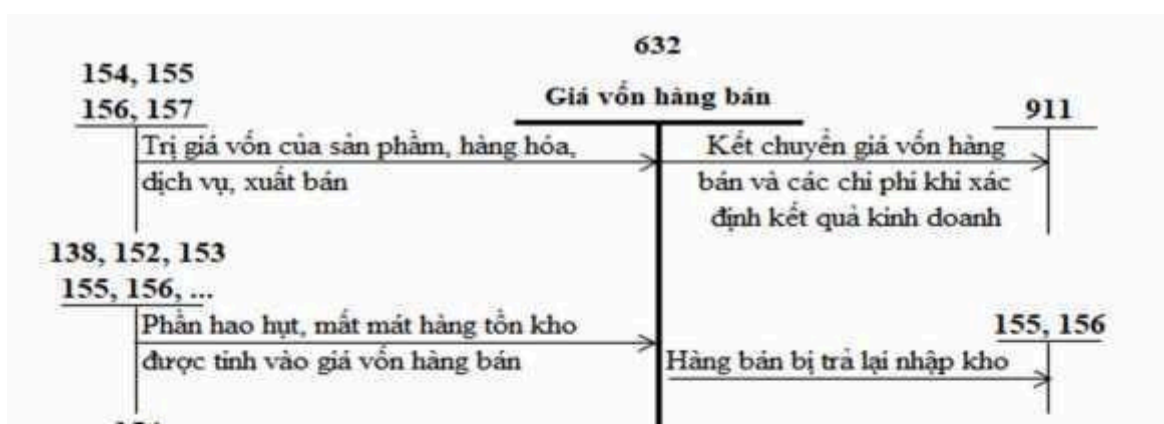
Kết cấu tài khoản (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên).

TK 632

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí NL, VL chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết) | <ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại |
|--|---|

Tài khoản **632** – Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ chữ T tài khoản 632



Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán

1.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản doanh thu thu được thông qua các hoạt động tài chính. Cụ thể như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có
- Phiếu kế toán

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

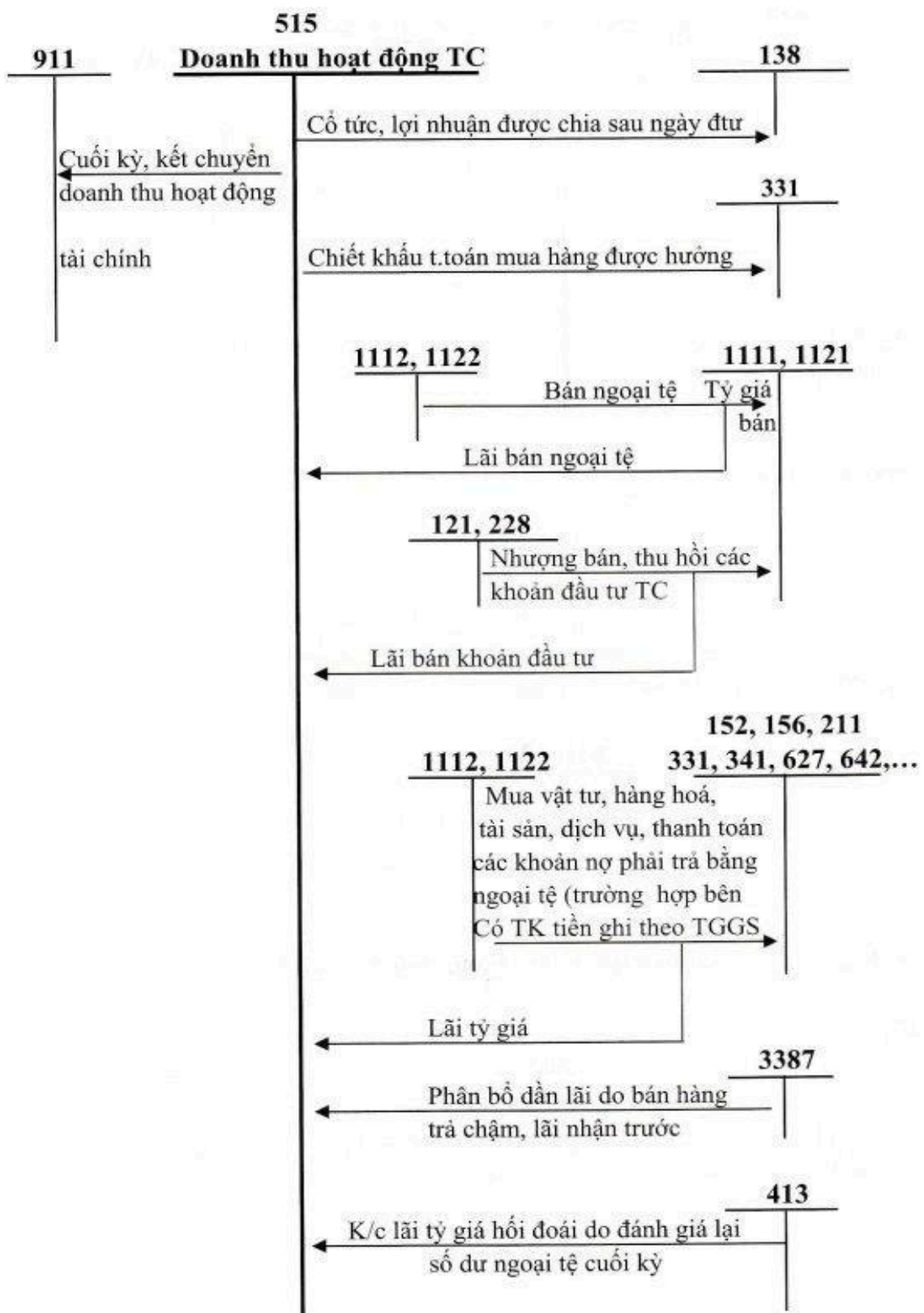
Kết cấu tài khoản

TK 515

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”. | <ul style="list-style-type: none">- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.- Chiết khấu thanh toán được hưởng.- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. |
|---|---|

- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.3: Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến các hoạt động sau trong Doanh nghiệp:

- Hoạt động về vốn.
- Hoạt động đầu tư tài chính.
- Nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có
- Phiếu kế toán

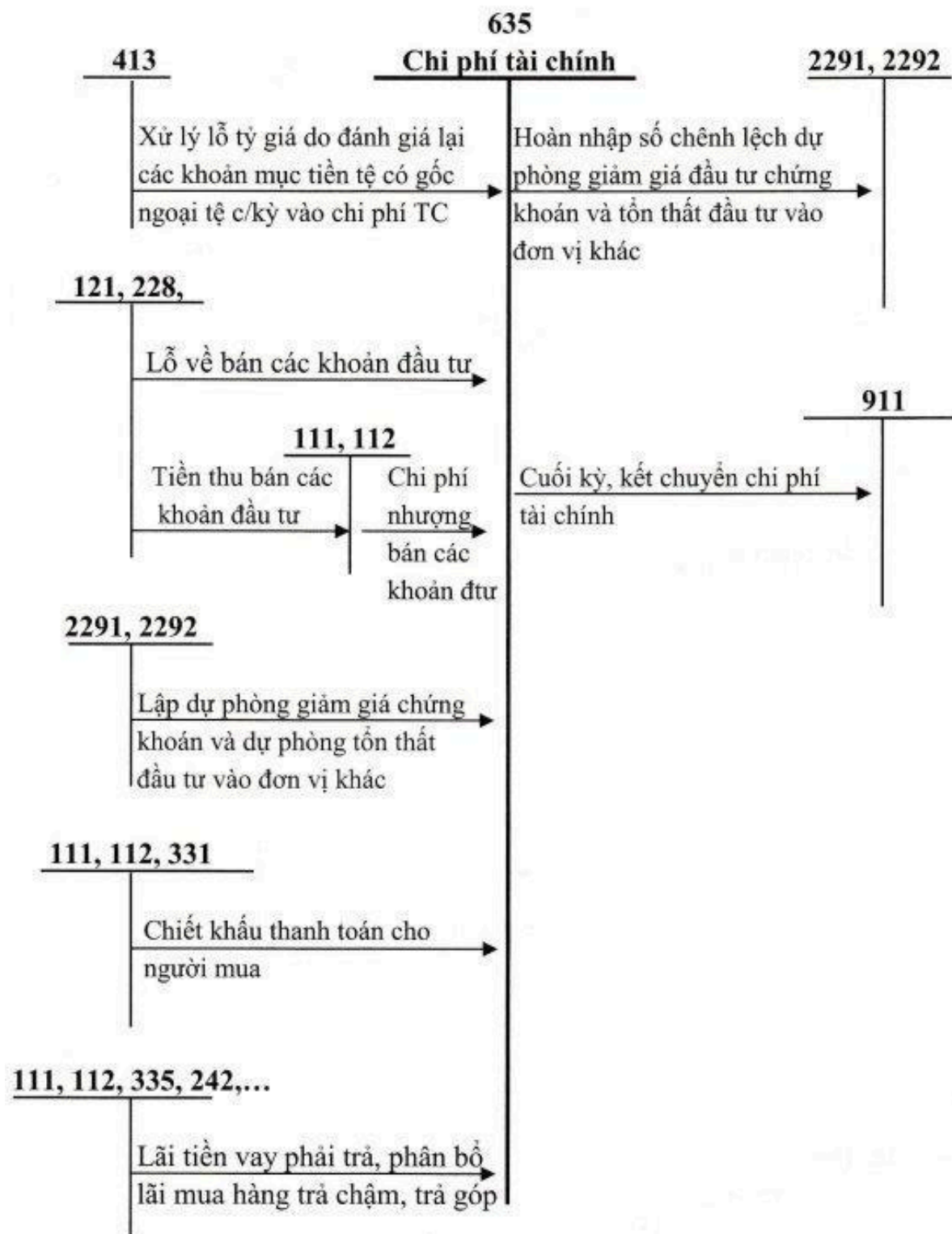
Kết cấu tài khoản

TK 635

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.	- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất ĐT vào ĐV khác. (.Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này > số dự phòng đã lập kỳ trước).	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất ĐT vào ĐV khác.(.Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này < số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí TC phát sinh trong kỳ để xác định KQ HĐKD.

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5.1. Nội dung kinh tế chi phí quản lý kinh doanh

Theo điều 64 TT133/2016/TT-BTC thì chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

1.2.5.2. Nguyên tắc tính chi phí quản lý kinh doanh

Tại điều 64 thông tư [133/2016/TT-BTC](#), khi hạch toán tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh phải tuân thủ một số nguyên tắc kế toán sau:

Nguyên tắc 1: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng,

công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Nguyên tắc 2: Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Nguyên tắc 3: Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở chi tiết theo từng loại chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong từng loại chi phí được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

❖ **Đối với chi phí bán hàng:**

- Chi phí nhân viên: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp,...
- Chi phí vật liệu, bao bì: Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản TSCĐ,... dùng cho bộ phận bán hàng.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...
- Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng, như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...
- Chi phí bảo hành: Dùng để phản ánh khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” mà không phản ánh ở TK này.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa

đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu,...

- Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, khuyến mại, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng..

❖ **Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp:**

- Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.
- Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm... vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,... (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).
- Chi phí đồ dùng văn phòng: Phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).
- Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: Nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng,...
- Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.
- Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp; tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.
- Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí nêu trên, như: Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

Nguyên tắc 4: Đối với sản phẩm, hàng hóa dùng để khuyến mại, quảng cáo:

- Trường hợp xuất sản phẩm, hàng hóa để khuyến mại, quảng cáo không thu tiền, không kèm theo các điều kiện khác như phải mua sản phẩm, hàng hóa thì ghi nhận giá trị hàng khuyến mại, quảng cáo vào chi phí bán hàng.
- Trường hợp xuất sản phẩm, hàng hóa để khuyến mại, quảng cáo nhưng khách hàng chỉ được nhận hàng khuyến mại, quảng cáo kèm theo các điều kiện khác như phải

mua sản phẩm, hàng hóa (ví dụ như mua 2 sản phẩm được tặng 1 sản phẩm....) thì kế toán phản ánh giá trị hàng khuyến mại, quảng cáo vào giá vốn hàng bán (trường hợp này bản chất giao dịch là giảm giá hàng bán).

- Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động thương mại được nhận hàng hóa (không phải trả tiền) từ nhà sản xuất, nhà phân phối để quảng cáo, khuyến mại cho khách hàng mua hàng của nhà sản xuất, nhà phân phối:

+ Khi nhận hàng của nhà sản xuất (không phải trả tiền) dùng để khuyến mại, quảng cáo cho khách hàng, nhà phân phối phải theo dõi chi tiết số lượng hàng trong hệ thống quản trị nội bộ của mình và thuyết minh trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính đối với hàng nhận được và số hàng đã dùng để khuyến mại cho người mua (như hàng hóa nhận giữ hộ).

+ Khi hết chương trình khuyến mại, nếu không phải trả lại nhà sản xuất số hàng khuyến mại chưa sử dụng hết, kế toán ghi nhận thu nhập khác là giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại

1.2.5.3. Chứng từ chi phí quản lý kinh doanh

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có

1.2.5.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp chi phí quản lý kinh doanh

- Sử dụng tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”. Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

+ Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

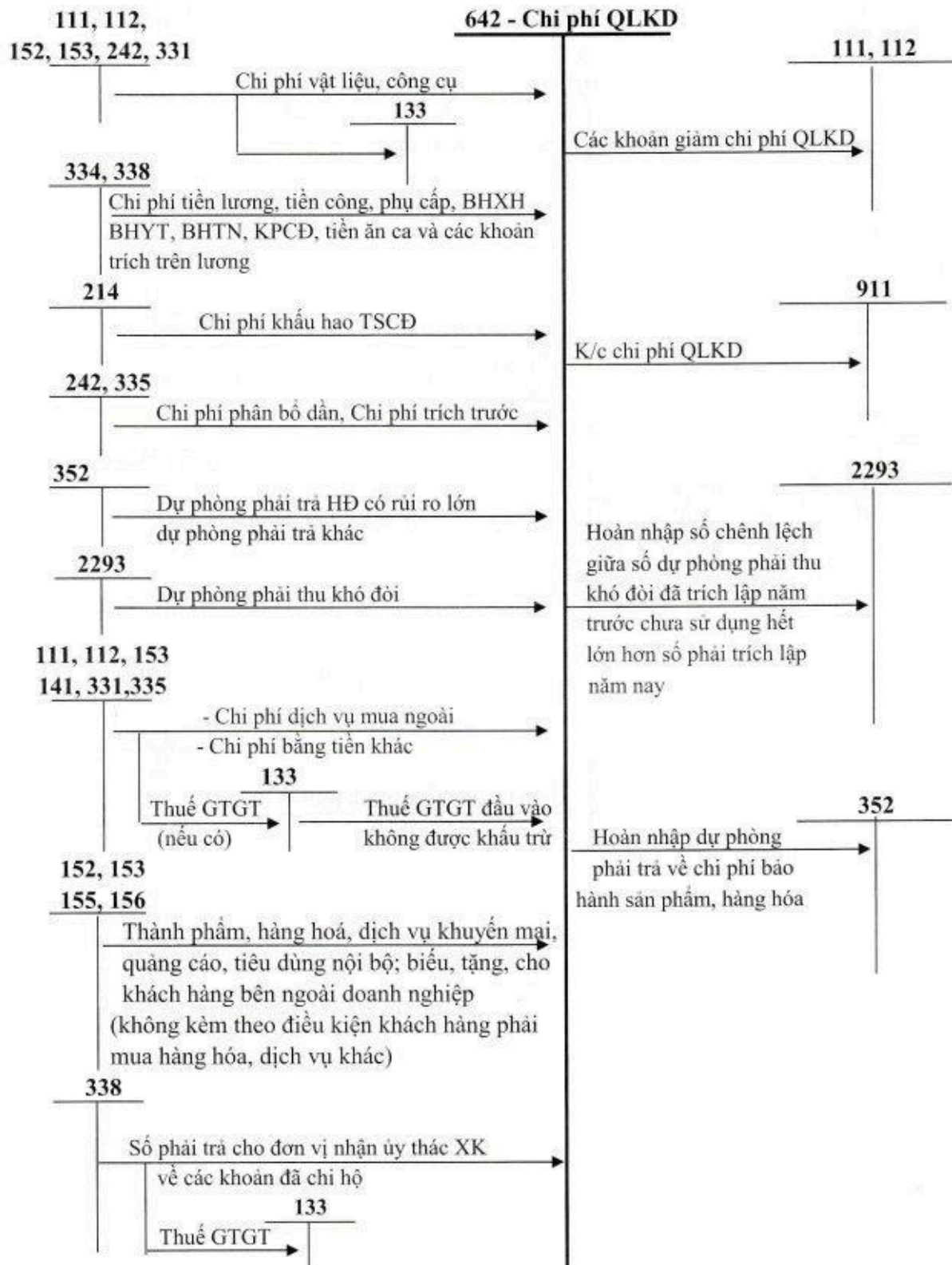
- Kết cấu tài khoản

TK 642

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">– Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;– Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); | <ul style="list-style-type: none">– Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp;– Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);– Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. |
|--|---|

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.6. Kế toán thu nhập và chi phí hoạt động khác

1.2.6.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và công ty khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Hóa đơn thanh lý tài sản cố định.

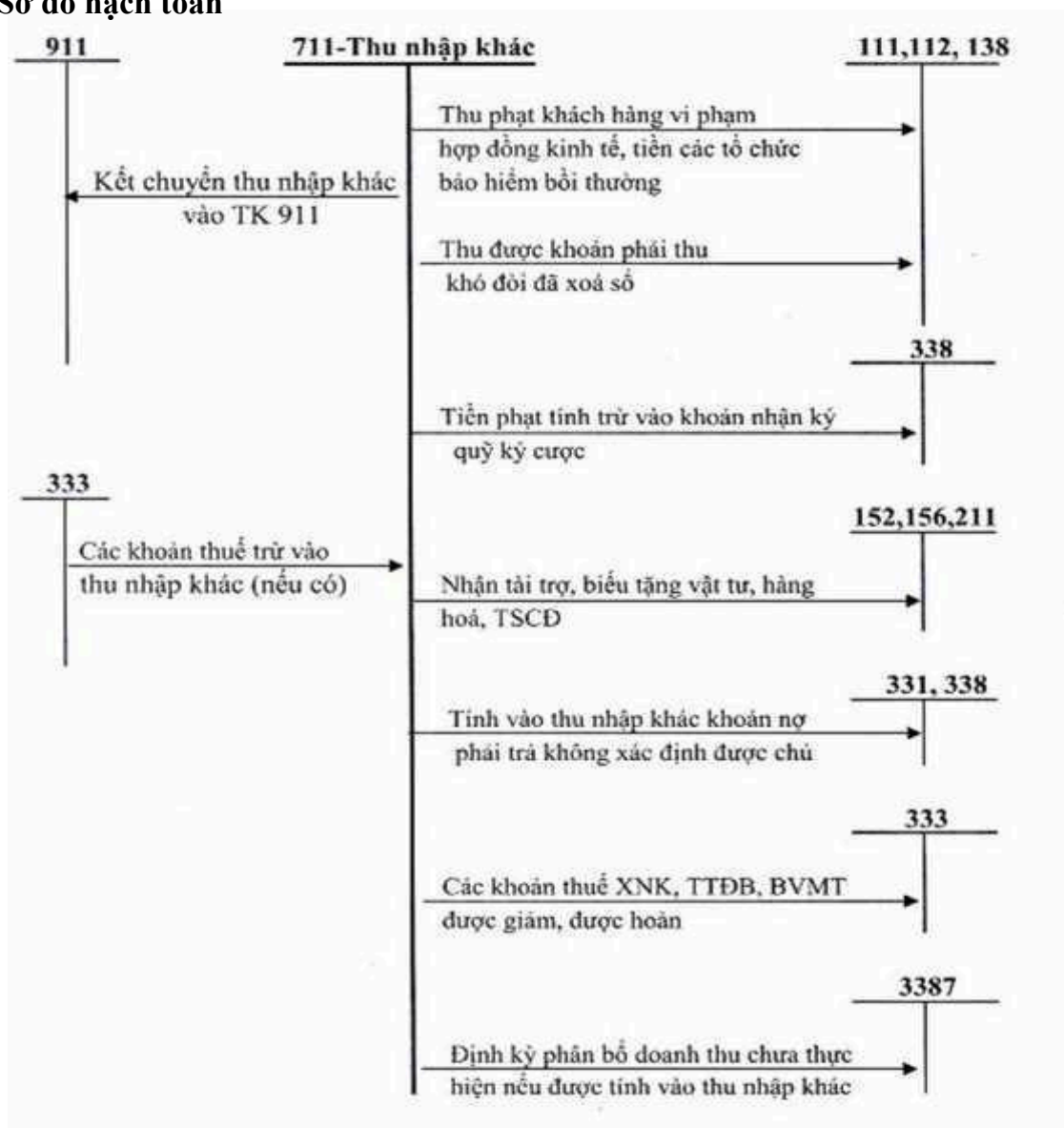
Kết cấu tài khoản 711- Thu nhập khác

TK 711

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. | <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. |
|---|---|

- Tài khoản 711- Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán Thu nhập khác

1.2.6.2. Kế toán chi phí hoạt động khác

Kế toán chi phí hoạt động khác phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

Chứng từ sử dụng:

- Bảng tính KQKD, kết quả hoạt động khác
- Phiếu Thu, phiếu Chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có của ngân hàng
- Các chứng từ tự lập khác, Phiếu kế toán.

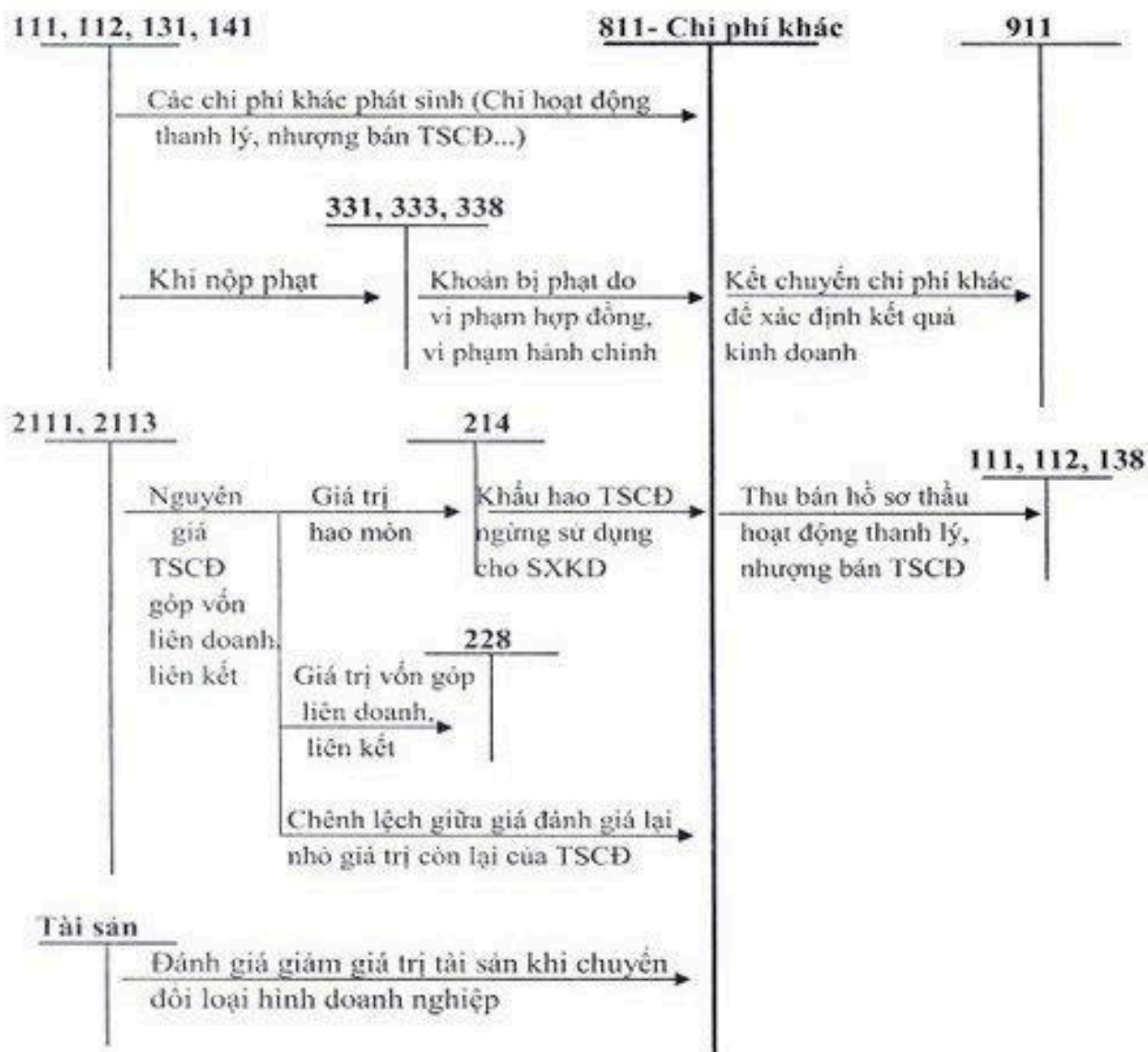
Kết cấu của tài khoản 811 - Chi phí khác

TK 811	
Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ, kết chuyển toàn vào các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 811 – Chi phí thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán

KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán chi phí hoạt động khác

1.2.7. Kế toán kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.7.1. Nội dung, công thức và thời kỳ tính kết quả hoạt động kinh doanh

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả

hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2.7.2. Trình tự tổng hợp doanh thu, chi phí và tính kết quả hoạt động kinh doanh

a) Cuối kỳ kế toán, thực hiện việc kết chuyển số doanh thu bán hàng thuần vào tài khoản Xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

b) Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
 Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

c) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác, ghi:

Nợ TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
Nợ TK 711 - Thu nhập khác
 Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

d) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
 Có TK 635 - Chi phí tài chính
 Có TK 811 - Chi phí khác.

đ) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
 Có TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh.

e) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
 Có TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

g) Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- Kết chuyển lãi, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
 Có TK 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Kết chuyển lỗ, ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
 Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

1.2.7.3. Chứng từ kết chuyển thu nhập, chi phí và quả hoạt động kinh doanh

Chứng từ sử dụng:

- Bảng tính KQKD, kết quả hoạt động khác;
- Phiếu thu, phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có của Ngân hàng;
- Phiếu kế toán.

1.2.7.4. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh

Kết cấu tài khoản

TK 911

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;

- Kết chuyển lãi.

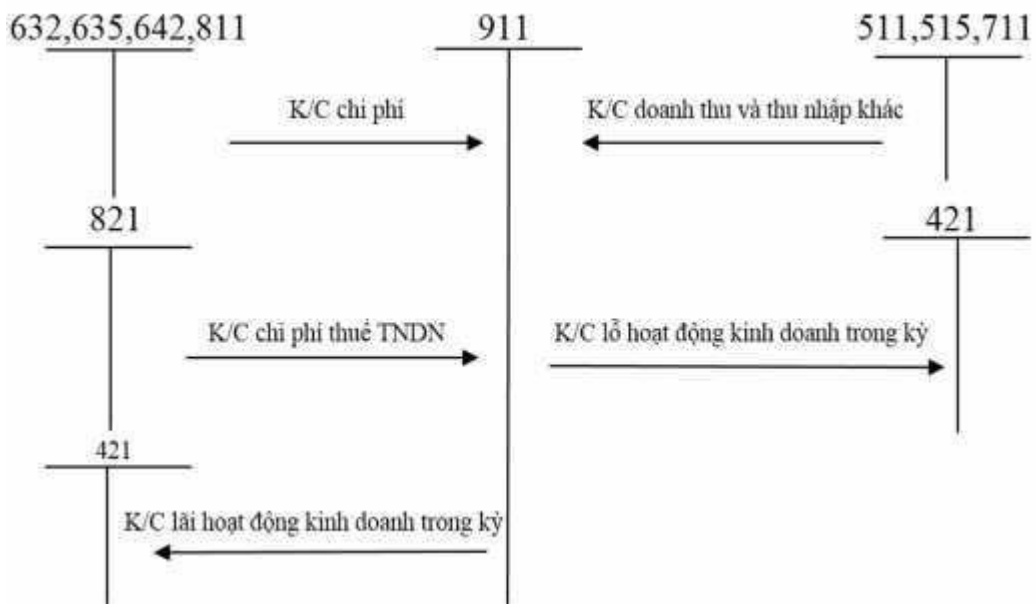
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Kết chuyển lỗ.

- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị báo cáo:

Địa chỉ:

Mẫu số B02 - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm...

Đơn vị tính:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
14. Chi phí thuế TNDN	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Lập, ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.

(2) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Mã số 01
Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" trong kỳ báo cáo trên sổ cái.
2. Các khoản giảm trừ doanh thu - Mã số 02
Bao gồm các khoản: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.
Công thức tính = Tổng phát sinh Bên Nợ TK 511
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Mã số 10
Mã số 10 = Mã số 01 - Mã số 02
4. Giá vốn hàng bán - Mã số 11
Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Mã số 20
Mã số 20 = Mã số 10 - Mã số 11
6. Doanh thu hoạt động tài chính - Mã số 21
Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Nợ tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính" đối ứng với bên Có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.
7. Chi phí tài chính - Mã số 22
Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 635 "Chi phí tài chính" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.
Chi phí lãi vay - Mã số 23
Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào Sổ kế toán chi tiết tài khoản 635 "Chi phí tài chính".
8. Chi phí quản lý kinh doanh - Mã số 24
Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh Có tài khoản 641 "Chi phí bán hàng", đối ứng với bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" trong kỳ báo cáo trên sổ cái.
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - Mã số 30
Mã số 30 = Mã số 20 + Mã số 21 - Mã số 22 - Mã số 24
10. Thu nhập khác - Mã số 31
Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Nợ tài khoản 711 "Thu nhập khác" đối ứng với bên Có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.
11. Chi phí khác - Mã số 32
Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 811 "Chi phí khác" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

12. Lợi nhuận khác - Mã số 40

Mã số 40 = Mã số 31 - Mã số 32

13. Tổng lợi tức trước thuế - Mã số 50

Mã số 50 = Mã số 30 + Mã số 40

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành - Mã số 51

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có TK 8211 đối ứng với bên Nợ TK 911 trên sổ kế toán chi tiết TK 8211, hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 8211 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo, (trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết TK 8211.

15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp - Mã số 60

Mã số 60 = Mã số 50 – Mã số 51

Báo cáo kết quả kinh doanh cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong một kì hoạt động của doanh nghiệp. Căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh các đối tượng quan tâm có thể đánh giá về kết quả và hiệu quả hoạt động sau mỗi thời kì, trên cơ sở đó dự báo về tương lai của DN.

Báo cáo kết quả kinh doanh giúp các đối tượng quan tâm nhận diện rõ ràng các mối quan hệ cơ bản trong hoạt động kinh doanh, từ đó dự báo về lợi nhuận cũng như dòng tiền trong tương lai của DN. Để đứng vững và phát triển trong hoạt động kinh doanh, một doanh nghiệp cần tạo ra đủ tiền để mua sắm các tài sản mới cũng như thay thế các tài sản cũ để duy trì và mở rộng năng lực hoạt động của mình, trong đó lợi nhuận là một nhân tố quan trọng trong bức tranh tài chính tổng thể và là một nguồn chủ yếu để tạo tiền cho DN.

Bên cạnh đó, Báo cáo kết quả kinh doanh còn giúp các đối tượng quan tâm đánh giá mức độ đóng góp cho xã hội của DN. Một DN tạo ra lợi nhuận tức là DN đó đã sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội (lực lượng xã hội và các nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh).

1.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.8.1. *Khái quát về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

– Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

– Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Thuế TNDN = Thu nhập tính thuế * thuế suất thuế TNDN

Trong đó:

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - (thu nhập được miễn thuế + các khoản lỗ được kết chuyển)

Thu nhập chịu thuế = (doanh thu - chi phí được trừ) + các khoản thu nhập khác

1.2.8.2. Chứng từ ghi nhận các khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê
- Tờ khai thuế TNDN tạm nộp, biên lai nộp thuế
- Báo cáo quyết toán thuế TNDN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Các phụ lục pháp lệnh có liên quan

1.2.8.3. Kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

-Kết cấu tài khoản

TK 821	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;
	- Kết chuyển số chênh lệch

giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

-Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

a) Kết cấu và nội dung phản ánh chung

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh";
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 821 - "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành:

- Hàng quý, khi xác định thuế TNDN tạm phải nộp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp vào ngân sách Nhà nước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ghi:

Nợ TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

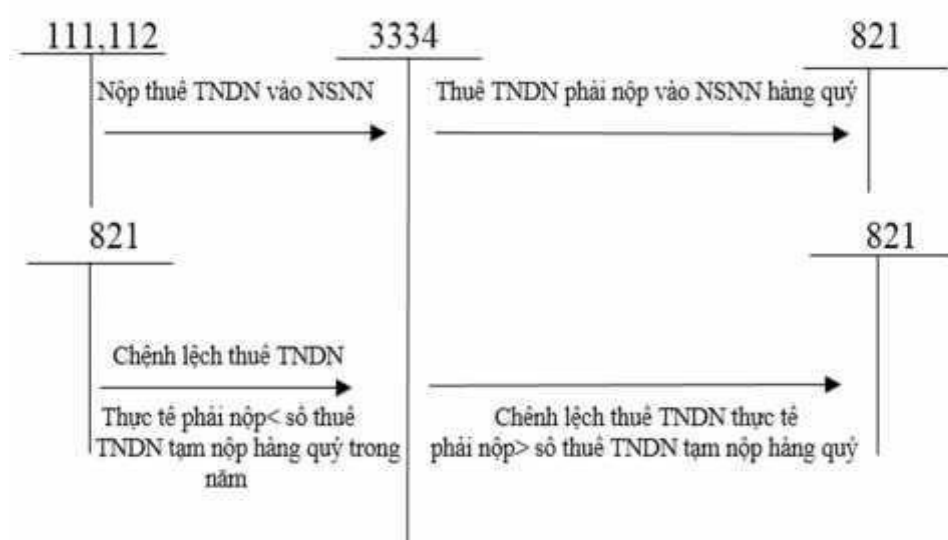
Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào NSNN, ghi:

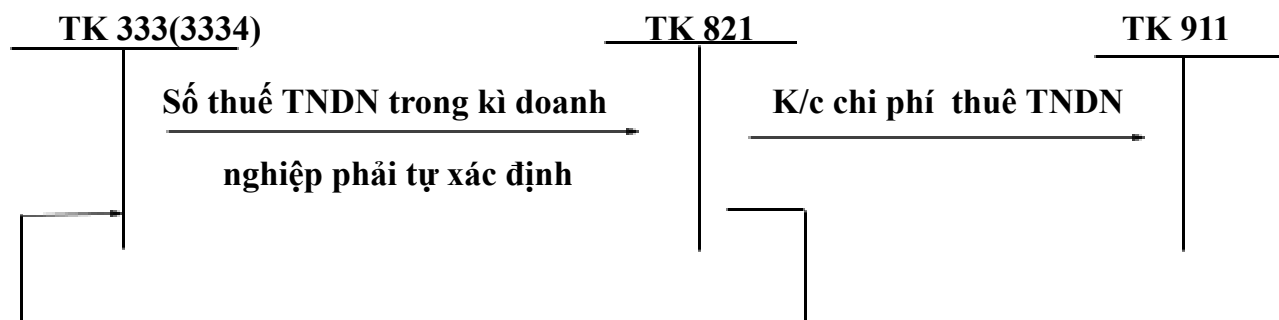
Nợ TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 111, 112,...

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán thuế TNDN



Số chênh lệch giữ thuế TNDN tạm phải nộp > số phải nộp

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán chi phí thuế TNDN

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU - CHI PHÍ - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TIN HỌC VIỄN THÔNG SAO XANH

2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

1. Giới thiệu chung CÔNG TY TNHH TIN HỌC VIỄN THÔNG SAO XANH

Tên công ty: CÔNG TY TNHH TIN HỌC VIỄN THÔNG SAO XANH

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Kim Thúy

Điện thoại: 028. 62524388.

Email: saoxanhcompany1@gmail.com

Mã số thuế: 0312719216.

Do Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 01/04/2014 (đăng ký thay đổi lần 2 ngày: 08/11/2019) Số tài khoản: 060083606463 tại Phòng giao dịch Thông Tây Vốn điều lệ: 3 tỷ đồng Ngành nghề kinh doanh: In ấn, bán buôn và lắp đặt máy móc, thiết bị vi tính, viễn thông... Giám Đốc: Bà Nguyễn Kim Thúy

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty được cấp phép thành lập vào ngày 01/04/2014. Giám đốc công ty là bà Bà Nguyễn Kim Thúy. Công ty được thành lập dựa trên lĩnh vực kinh doanh chuyên về mảng In ấn, bán buôn và lắp đặt máy móc, thiết bị vi tính, viễn thông... .

Đến nay đã trải qua hơn 7 năm xây dựng và phát triển, công ty đã không ngừng mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh và tạo lập được nhiều quan hệ kinh doanh uy tín với thị trường trong nước .Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng và được mở tài khoản với các ngân hàng trong nước hoạt động theo luật doanh nghiệp.

2.1.2. Chức năng – Nhiệm vụ của công ty

- Chức năng

- + Tổ chức In ấn, bán buôn và lắp đặt máy móc, thiết bị vi tính, viễn thông... .
- + Công ty còn có chức năng hợp tác đầu tư với các công ty khác nhằm mở rộng thị trường, phát huy một cách tối ưu hiệu quả kinh doanh nhằm hướng tới mục đến cao nhất là lợi nhuận công ty.
- + Nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động trong công ty, từ đó đóng góp cho nguồn ngân sách nhà nước.
- + Chức năng tạo mối liên hệ với người tiêu dùng thông qua kinh doanh trực tiếp, cùng với các nhà phân phối, đại lý lớn nhỏ tạo mối liên hệ với các đối tác uy tín tăng hiệu quả làm việc công ty.

- Nhiệm vụ

Đăng ký kinh doanh và kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký trong giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp.

+ Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách và tạo nguồn vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Xây dựng các kế hoạch, chính sách của công ty theo chiến lược lâu dài và định hướng hằng năm, hằng quý của công ty.

+ Thực hiện các chế độ cho người lao động theo đúng quy định pháp luật cũng như nội quy công ty như đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ, tay nghề, hỗ trợ các chính sách xã hội đúng đắn và kịp thời như chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, các hình thức khen thưởng, kỷ luật, thực hiện các biện pháp về an toàn vệ sinh lao động...

+ Thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định pháp luật như kê khai thuế, nộp thuế, ...

+ Không ngừng đổi mới phương thức sản xuất và trang thiết bị sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, công sức, đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh là một doanh nghiệp In ấn, bán buôn và lắp đặt máy móc, thiết bị vi tính, viễn thông... .

Công ty kinh doanh các loại hình cụ thể như sau:

-Buôn bán máy móc, thiết bị vi tính , viễn thông

- Lắp đặt máy móc, thiết bị vi tính, viễn thông

Có đặc điểm về tổ chức kinh doanh về các mặt sau:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: tổ chức mở rộng buôn bán; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh; chú trọng đầu tư công nghệ, kỹ thuật cao để mở rộng quy mô cũng như mở rộng các nhà phân phối trên địa bàn các tỉnh khu vực miền Bắc. Đồng thời luôn nghiên cứu thị trường để đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Về mối quan hệ xã hội: mở rộng liên kết với các đơn vị khác, tăng cường hợp tác, góp phần tích cực về việc tổ chức và cải tạo nền sản xuất của xã hội.

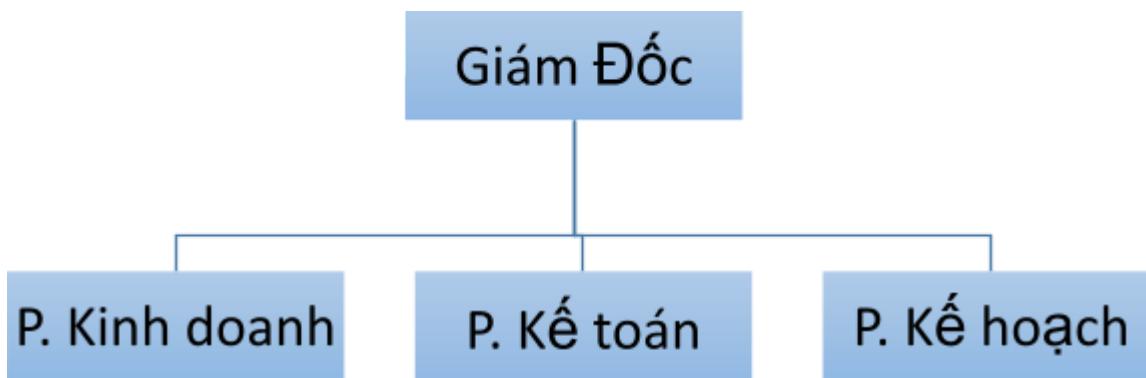
- Về nghĩa vụ đối với nhà nước: Trên cơ sở sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Công ty luôn làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước, với địa phương thông qua việc nộp đầy đủ các loại thuế và tuân thủ Luật pháp theo quy định.

- Về đời sống công nhân viên: tuyển dụng và thuê mướn công nhân lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng mở rộng; tuân thủ nghiêm túc Bộ luật Lao Động, tổ chức tốt đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần của nhân viên. Bên cạnh đó, khuyến khích các ý tưởng sáng tạo và phát triển cá nhân, phát huy các mối quan hệ khấn khít giữa các thành viên để giúp đỡ và học hỏi lẫn nhau, phát huy tinh thần hợp tác làm việc nhóm để nâng cao hiệu quả trong sản xuất và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên.

- Về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự : giữ gìn vệ sinh môi trường và trật tự an toàn chung trong toàn Công ty, nhất là tại các phân xưởng sản xuất, làm tròn nghĩa vụ quốc phòng và tuân thủ pháp luật về an ninh trật tự tại địa phương.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

2.1.4.1. Bộ máy quản lý công ty

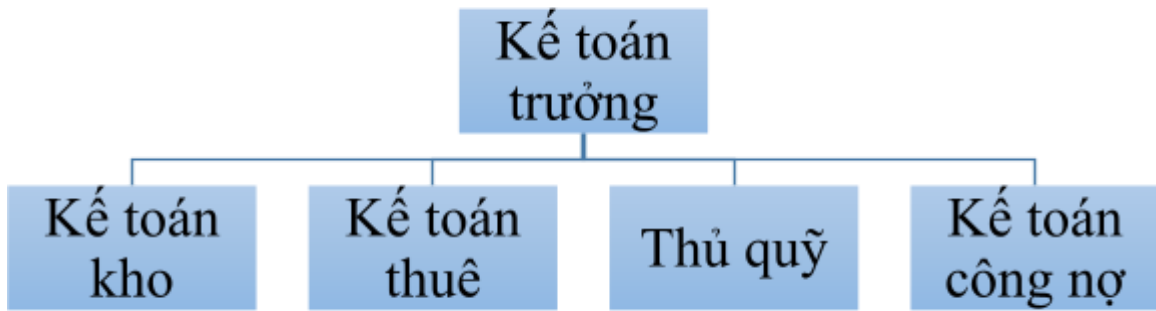


Sơ đồ 2. 1: Sơ đồ bộ máy Công ty TNHH Tin Học Viễn Thông Sao Xanh

Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban:

- * Giám đốc: Phụ trách công tác sản xuất kinh doanh và chỉ đạo khối kinh tế.
- * Phòng Kinh doanh: Làm chức năng tham mưu giúp việc cho giám đốc đơn vị, làm công tác tổ chức và quản lý việc điều hành sản xuất và kinh doanh cho phù hợp với quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng thời kỳ. Cụ thể:
 - Đối với công tác kinh doanh, có chức năng đưa ra ý kiến, đề xuất với giám đốc về các vấn đề liên quan đến phân phối sản phẩm, dịch vụ của công ty ra ngoài thị trường cho hiệu quả và nhanh chóng nhất.
 - Đối với công tác hành chính là bộ phận giúp cho Giám đốc đơn vị duy trì mọi hoạt động chung của đơn vị trong sản xuất kinh doanh.
- * Phòng Kế toán tài chính: Có nhiệm vụ giúp Giám đốc đơn vị chịu sự chỉ đạo trực tiếp của kế toán trưởng doanh nghiệp với nhiệm vụ chính là tổ chức quản lý công tác kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: Quản lý giám sát bằng đồng tiền thực hiện theo đúng chế độ tài chính kế toán mới của nhà nước. Đồng thời ghi chép tập hợp và phân tích số liệu hằng ngày về tình hình sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn và sản phẩm làm ra đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và chính xác về hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hàng ngày.
- * Phòng Kế hoạch kỹ thuật: Cân đối tổng hợp kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính của doanh nghiệp, chỉ đạo công tác hợp đồng kinh tế đúng pháp luật. Lập kế hoạch sản xuất hàng hóa theo quy năm trình giám đốc duyệt.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán



*** Chức năng và nhiệm vụ của bộ máy kế toán**

+ Kế toán trưởng

Kế toán trưởng hay còn gọi là trưởng phòng kế toán, là người giúp Giám đốc chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán và nắm bắt thông tin kế toán tài chính doanh nghiệp. Quản lý, phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cụ thể cho từng nhân viên. Kế toán trưởng có quyền tham dự các cuộc họp của công ty bàn và quyết định về vấn đề thu chi, kế hoạch kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư, mở rộng kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất của nhân viên.

+ Kế toán thuế

Thực hiện báo cáo thuế giá trị gia tăng hàng tháng, thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý và các loại báo cáo theo quy định.

+ Thủ quỹ

Là người nắm nguồn tiền tệ của công ty, có vai trò theo dõi thường xuyên các khoản thu, chi phát sinh.

Quản lý các chứng từ thu chi, thực hiện ghi chép vào sổ quỹ,

Hàng ngày kiểm tra và đối chiếu sổ quỹ với sổ kế toán.

+ Kế toán kho

Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác toàn bộ những chi phí phát sinh theo từng đối tượng, từng kỳ báo cáo, tính toán chính xác giá thành từ đó có biện pháp tốt để quản lý chi phí sản xuất.

Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn các loại hàng hóa trong kỳ.

Căn cứ vào số liệu trên phiếu nhập kho, phiếu xuất kho để xác định số lượng và giá trị của việc nhập – xuất- tồn hàng hóa.

+ Kế toán công nợ

Theo dõi tình hình mua bán hàng hóa tại công ty.

Theo dõi tình hình thanh toán giữa công ty với khách hàng và khoản phải thu nội bộ.

***Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**

– Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ áp dụng: Việt Nam đồng.

Phương pháp tính thuế: Công ty tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

+ TSCĐ của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc.

+ Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh giá và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

+ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước – xuất trước

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường.

***Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán**

Công ty áp dụng Hệ thống chứng từ sử dụng trong kế toán: Phiếu thu (Mẫu số 01-TT), Phiếu chi (Mẫu số 02-TT), Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT), Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04-TT), Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05-TT), Giấy báo nợ, Giấy báo có, Giấy ủy nhiệm chi, Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho,...

* Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Tài khoản kế toán dùng để phân loại và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế tài chính theo nội dung kinh tế.

Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư 133/BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Các tài khoản sử dụng từ loại 1 đến loại 9, bao gồm các tài khoản cấp 1 và các tài khoản cấp 2.

* Tổ chức vận dụng hình thức kế toán

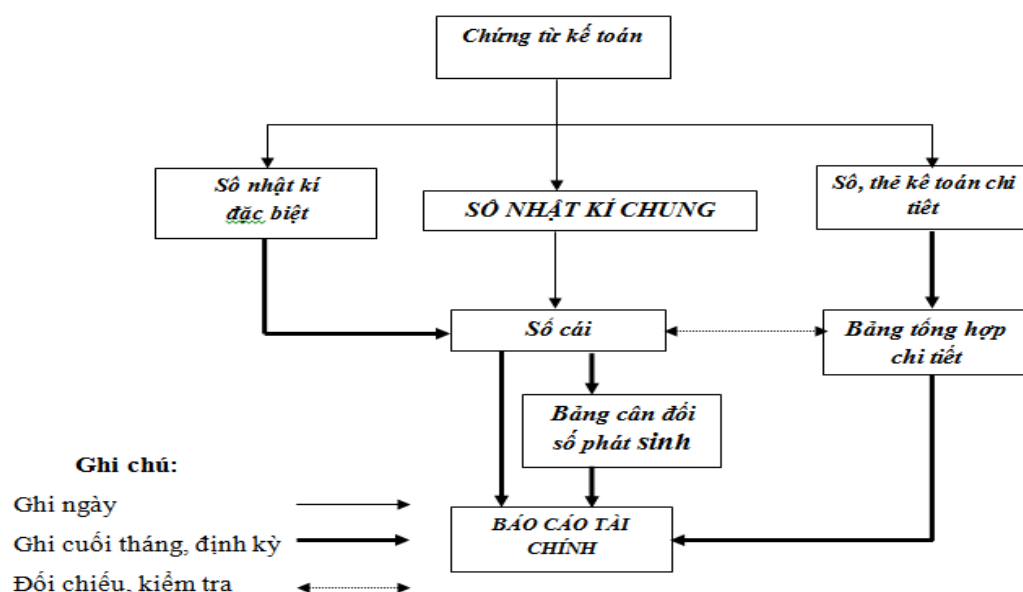
Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, Công ty sử dụng hình thức Nhật Ký Chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung.
- + Sổ Cái.
- + Các sổ ,thẻ kế toán chi tiết.

* Hình thức kế toán nhật ký chung.



Sơ đồ 2. 2 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1. Phân loại các hình thức bán hàng và chứng từ, thủ tục bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các hình thức bán hàng:

Phương pháp bán hàng trực tiếp cho khách hàng

- Phương pháp bán buôn trong nước

Các chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có

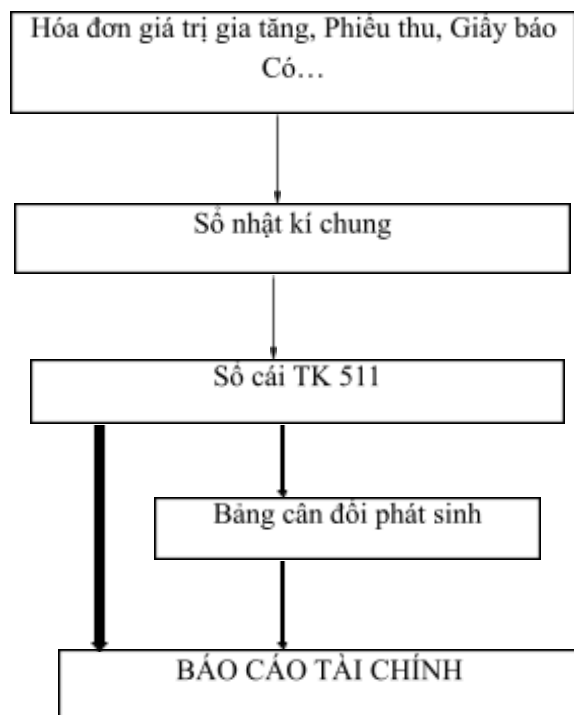
Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các tài khoản khác có liên quan: 111,112,131...

2.2.1.2. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty được hạch toán qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
—————→ : Ghi định kỳ

Hàng ngày căn cứ vào Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo Có ... Kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung vào sổ Cái TK 511 và các TK liên quan.

Cuối tháng số liệu trên sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA

Số: 15.11HĐMB/2020/ALL-SX

- Căn cứ bộ luật thương mại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ theo luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của mỗi bên.

Hôm nay ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A (BÊN THUÊ SỬA CHỮA): Công ty CP Giao nhận hàng không ALL

Địa chỉ: Số 45 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84.028) 73.09.19.29

Do ông (bà): Đàm Thanh Hiền

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN NHẬN SỬA CHỮA): Công ty TNHH Tin học Viễn Thông Sao Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Kim Thúy

Điện thoại: 028. 62524388.

Mã số thuế: 0312719216.

Do ông (bà): Bà Nguyễn Kim Thúy

Chức vụ: Giám đốc

Sau thoả thuận hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng sửa chữa với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: Bên A thuê và bên B đồng ý nhận sửa chữa, bảo dưỡng toàn bộ máy mà bên A giao cho bên B.

Khối lượng công việc sửa chữa theo thực tế phát sinh trên cơ sở có bảng dự toán sửa chữa, bảng kê chi tiết sửa chữa, và biên bản nghiệm thu kỹ thuật xuất xưởng.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

Thời gian bắt đầu thực hiện: Sau khi bên A có biên bản yêu cầu sửa chữa giao cho bên B

Địa điểm thực hiện: Tại phân xưởng sửa chữa máy tính Công ty TNHH Tin học viễn thông Sao Xanh

ĐIỀU 3: HÌNH THỨC THANH TOÁN

Sau khi sửa chữa xong hai bên tiến hành nghiệm thu, lập biên bản đối chiếu công nợ, bên B bàn giao xe cho Bên A, xuất HĐ cho bên A đồng thời bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc đối trừ tiền hàng.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của Bên A:

- Bàn giao xe cho bên B để tiến hành sửa chữa
- Cử cán bộ kỹ thuật đến kiểm tra theo dõi tình hình công việc
- Cùng bên B đối chiếu công nợ vào cuối tháng
- Cùng bên B tiến hành nghiệm thu khi bên B thực hiện bàn giao cho bên A.

Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện công việc đúng tiến độ thời gian
- Đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động trong quá trình làm việc.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã kí, quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc trở ngại hai bên có trách nhiệm tạo điều kiện và giúp đỡ nhau để giải quyết. Mọi quyết định đơn phương đều không có giá trị làm thay đổi các điều khoản đã kí. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật bồi thường thiệt hại. Trường hợp xảy ra tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được với nhau thì kiện lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí và hết hiệu lực đến ngày 28/11/2020 khi hai bên thanh toán dứt điểm coi như hợp đồng đã được thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ một bản.

BÊN A

Đàm Thanh Hiền

BÊN B

Nguyễn Kim Thúy

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đơn vị bán: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Điện thoại: 028. 62524388.

Mã số thuế: 0312719216.

Tài khoản số: 060083606463 Mở tại ngân hàng: Sacombank Chi nhánh Gò Vấp

Người mua:

Đơn vị: Công ty CP Giao nhận hàng không ALL

Địa chỉ: Số 45 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84.028) 73.09.19.29

Mã số thuế:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Thuê sửa chữa	Chiếc	10	3.500.000	3.500.000*10
Cộng tiền hàng:					35.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế:					3.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					38.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 2. 1. Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh
Địa chỉ: : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

NHẬT KÍ CHUNG*Năm 2020*

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
07/11	HĐGT GT000 0636	07/11	Giá vốn nguyên liệu dùng cho in ấn	632 153	1.159.088	1.159.088
08/11	BL008 2	08/11	Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN	642 334	26.988.082	26.988.082
15/11	PC56	15/11	Chi tiền điện thoại tháng 01/2020	6422 133 112	3.000.000 300.000	3.300.000
...	...	...	...	...	...	...
17/11	HĐGT GT000 697	17/11	Doanh thu sửa chữa	112 511 3331	38.500.000	35.000.000 3.500.000
23/11	GB093 3	23/11	Công ty Hoàng Hà thanh toán mua máy vi tính	111 131	15.000.000	15.000.000
25/11	HĐGT GT000 0701	25/11	Europipe Ống PVC 500 C1	632 152	29.652.000	29.652.000
03/12	HĐGT GT000 712	03/12	Europipe Ống PVC 500 C0	632 152	24.868.000	24.868.000
...	...	...	...	...	...	...
			Tổng cộng		6.584.036.873	6.584.036.873

Biểu số 2. 2. Trích sổ cái 511

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao

Xanh

Địa chỉ : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK: 511

Năm 2020

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
17/11	HĐGT GT000 697	17/11	Doanh thu sửa chữa máy tính	112		35.000.000
18/11	HĐGT GT000 699	18/11	Doanh bán thiết bị máy tính	111		45.000.000
...	...	...	...	...	...	
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4		1.283.032.082	
			Cộng phát sinh		1.283.032.082	1.283.032.082

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Địa chỉ: : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Loại hoạt động: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tên sản phẩm: Máy tính

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu bán hàng			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số dư đầu kì				
17/11	HĐGTGT000697	17/11	Doanh thu sửa chữa máy tính	14	2.500.000	35.000.000	
18/11	HĐGTGT000699	31/12	Doanh bán thiết bị máy tính	30	1.500.000	45.000.000	
..	...	...	...				
			Cộng phát sinh		183.032.082		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

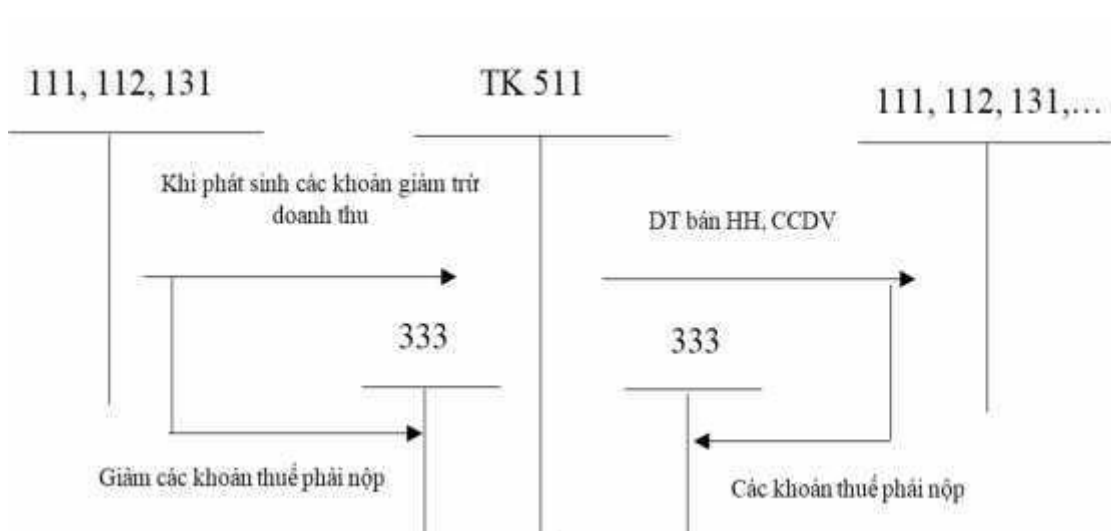
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.2.1. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp giảm giá bán niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.
- Hàng bán trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Giảm giá hàng bán là hàng đã tiêu thụ sau đó người bán giảm trừ cho người mua một khoản tiền do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách.

2.2.2.2. Chứng từ và thủ tục liên quan Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chứng từ sử dụng Chiết khấu thương mại
 - +Hợp đồng chiết khấu
 - +Bảng tính chiết khấu
 - +Hóa đơn GTGT, Hóa đơn chiết khấu
- Chứng từ sử dụng Hàng bán trả lại:
 - + Biên bản hàng bán trả lại
 - + Hóa đơn hàng bán trả lại
 - + Chứng từ nhập kho
- Chứng từ sử dụng Giảm giá hàng bán
 - + Hóa đơn
 - + Biên bản giảm giá



Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong quý IV năm 2020 công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.3.1. Nội dung kinh tế giá vốn hàng bán.

Cách xác định giá vốn

Giá vốn = Giá mua hàng hóa + Thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại) + chi phí phát sinh trong khâu mua - Giảm giá mua hàng, chiết khấu thương mại được hưởng, hàng mua trả lại.

Trong đó:

- Giá mua hàng hóa xác định theo hóa đơn
- Các khoản thuế phát sinh trong khâu mua hàng bao gồm: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường
- Chi phí mua hàng: Bao gồm các chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình mua hàng như chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa, chi phí bảo hiểm, chi phí lưu kho lưu bãi, hao hụt tự nhiên trong khâu mua.
- Giảm giá hàng mua
- Chiết khấu thương mại
- Hàng mua trả lại

2.2.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Phiếu xuất kho

...

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái

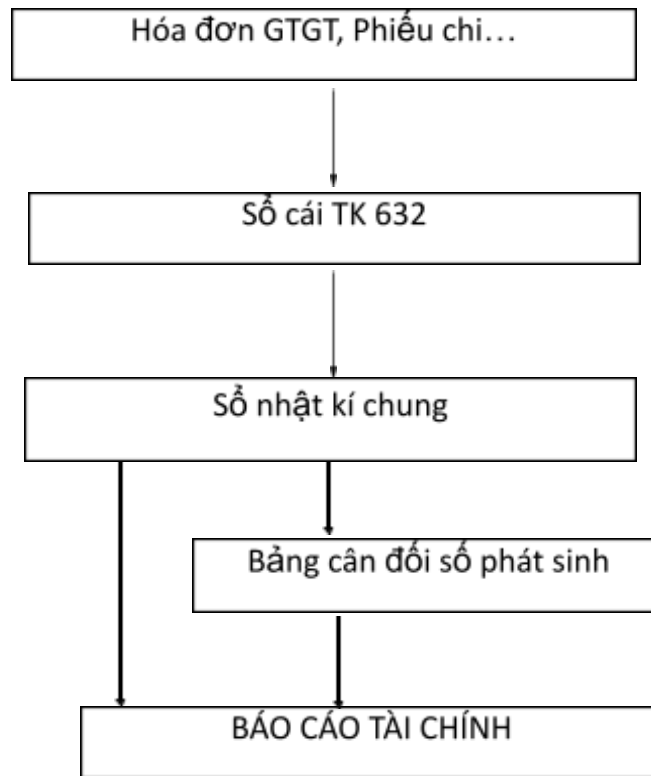
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán

-TK 154: Chi phí SXKD dở dang

2.2.3.4. Quy trình hạch toán giá vốn cung cấp dịch vụ

Quy trình hạch toán giá vốn dịch vụ được hạch toán qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

————→ : Ghi hàng ngày

————→ : Ghi định kỳ

Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán giá vốn dịch vụ tại công ty

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu ... và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của các nghiệp vụ bán hàng vào sổ Nhật kí chung. Từ Sổ nhật kí chung kế toán ghi chép các nghiệp vụ vào sổ cái TK 632...

Cuối tháng từ Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 12 tháng 11 năm 2020

Đơn vị bán: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN RỒNG XANH

Mã số thuế: 0309560906

Địa chỉ: 23/23/13 Đường Số 22, Khu Phố 4, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP.
Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02839841780

Website: www.bluedragon.vn

Số tài khoản: 0071000737337 Ngân hàng: Vietcombank - CN Tân Sơn Nhất

Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH TIN HỌC VIỄN THÔNG SAO XANH

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Điện thoại: 028. 62524388.

Email: saoxanhcompany1@gmail.com

Mã số thuế: 0312719216.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Kích cỡ	Chiều dày	Đơn vị tính (mét)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
A	B		1	2		
01	Europipe Ống PVC 500 C1	Ø 500	12.3	20	1.482.600	29.652.000
02	Europipe Ống PVC 500 C0	Ø 500	9.8	20	1.243.400	24.868.000
Cộng tiền hàng:						54.520.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế:						5.452.000
Tổng cộng tiền thanh toán:						59.972.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn						

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu 2.2. Trích sổ nhật ký chung**Đơn vị:** Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao

Xanh

Địa chỉ: : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM**Mẫu số S19-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

NHẬT KÍ CHUNG**Năm 2020**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
07/11	HĐGT GT000 0636	07/11	Giá vốn nguyên liệu dùng cho in ấn	632 153	1.159.088	1.159.088
08/11	BL008 2	08/11	Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN	642 334	26.988.082	26.988.082
15/11	PC56	15/11	Chi tiền điện thoại tháng 10/2020	6422 133 112	3.000.000 300.000	3.300.000
...	...	...	...	...	...	...
17/11	HĐGT GT000 697	17/11	Doanh thu sửa chữa	112 511 3331	38.500.000	35.000.000 3.500.000
23/11	GB093 3	23/11	Công ty Hoàng Hà thanh toán mua máy vi tính	111 131	15.000.000	15.000.000
25/11	HĐGT GT000 0701	25/11	Europipe Ống PVC 500 C1	632 152	29.652.000	29.652.000
03/12	HĐGT GT000 712	03/12	Europipe Ống PVC 500 C0	632 152	24.868.000	24.868.000
...	...	...	...	...	...	...
			Tổng cộng		6.584.036.873	6.584.036.873

Biểu số 2.3. Trích sổ cái 632**Đơn vị:** Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao

Xanh

Địa chỉ: : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM**Mẫu số S19-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK: 632

Năm 2020

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
07/11	HĐGTG T00006 36	07/11	Giá vốn nguyên liệu dùng cho in ấn	53	1.159.088	
25/11	HĐGTG T00007 01	25/11	Europipe Ống PVC 500 C1	153	29.652.000	
03/12	HĐGTG T00071 2	03/12	Europipe Ống PVC 500 C0	153	24.868.000	
...	...	...	...	...	...	
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4			719.887.190
			Cộng phát sinh		719.887.190	719.887.190

Biểu số 2.3. Trích chi tiết 632**Đơn vị:** Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao

Xanh

Địa chỉ: : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM**Mẫu số S19-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản 623: Giá vốn hàng bán
Tên sản phẩm: Ống nhựa PVC

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ			
	Số	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra		
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kì					
25/11	HĐ GTGT 701	25/11	Europipe Ống PVC 500 C1	153	29.652.000			
03/12	HĐ GTGT 000712	03/12	Europipe Ống PVC 500 C0	153	24.868.000			
...	...	...						
			Cộng phát sinh		423.956.495			
			Ghi Có TK	623				

2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính

2.2.4.1. Đặc điểm của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính của công ty

Tại công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh, doanh thu hoạt động tài chính gồm có: lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia...

2.2.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có
- Một số chứng từ khác có liên quan

b. Sổ sách sử dụng

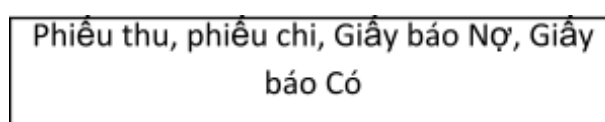
- Sổ Cái, Sổ nhật ký chung
- Bảng cân đối kế toán. Báo cáo tài chính, ..

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính của Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh được khái quát qua sơ đồ sau:





Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

➡ : Ghi định kỳ

Sơ đồ: 3.3. Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí của công ty TNHH Tin Học Viễn thông Sao Xanh

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo có ... Kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan. Cuối tháng, số liệu trên sổ Cái phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

NGÂN HÀNG SACOMBANK

Mã GDV:

Mã khách hàng:10603

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2020

Kính gửi: Công ty TNHH Tin học viễn thông Sao Xanh

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 060083606463

Số tiền bằng số: 122.693

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Lãi nhập vốn

GIAO DỊCH VIÊN

(Kí, họ tên)

KIỂM SOÁT

(Kí, họ tên)

Biểu số 3.4. Giấy báo Có của ngân hàng

Biểu 2.5. Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2020

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
07/11	HĐGT GT000 0636	07/11	Giá vốn nguyên liệu dùng cho in ấn	632 153	1.159.088	1.159.088
08/11	BL008 2	08/11	Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN	642 334	26.988.082	26.988.082
15/11	PC56	15/11	Chi tiền điện thoại tháng 01/2020	6422 133 112	3.000.000 300.000	3.300.000
...	...	...	...	...	...	...
17/11	HĐGT GT000 697	17/11	Doanh thu sửa chữa	112 511 3331	38.500.000	35.000.000 3.500.000
23/11	GB093 3	23/11	Công ty Hoàng Hà thanh toán mua máy vi tính	111 131	15.000.000	15.000.000
25/11	HĐGT GT000 0701	25/11	Europipe Ống PVC 500 C1	632 152	29.652.000	29.652.000
03/12	HĐGT GT000 712	03/12	Europipe Ống PVC 500 C0	632 152	24.868.000	24.868.000
31/12	GBC3 112	31/12	Lãi tiền gửi T03/2020	112		122.693
...	...	...	...	...	...	...
			Tổng cộng		6.584.036.873	6.584.036.873

Biểu số 2.6. Trích sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao

Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Năm 2020

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...		
30/11	GBC301 1	30/11	Lãi tiền gửi T11/2020	112		121.934
31/12	GBC311 2	31/12	Lãi tiền gửi T12/2020	112		122.693
...	...	...	...	...		
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 1	911	1.218.511	

			Cộng phát sinh		1.218.511	1.218.511
--	--	--	----------------	--	-----------	-----------

2.2.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.5.1. Nội dung kinh tế chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có

Trong quý 4 năm 2020 công ty không phát sinh chi phí bán hàng

Đặc điểm của của chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm các khoản chi phí quản lý chung, chi phí lương nhân viên bộ phận QLDN, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLDN, Chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí liên quan khác

Chứng từ, sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, GBN
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Hóa đơn GTGT

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 642
- Bảng cân đối kế toán, Báo cáo tài chính

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 642: Chi phí QLDN

2.2.5.2. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:

Biểu số 2.7. Phiếu chi

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 11 năm 2020

Nợ: TK 6422

Nợ: TK 133

Có: TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thị Thúy

Địa chỉ : Phòng Kế toán

Lý do chi : Chi tiền điện thoại tháng 10/2020

Số tiền : 3.300.000

Số tiền bằng chữ : Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo : 1 HĐGTGT

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 15 tháng 11 năm 2020

Giám đốc (kí, họ tên)	Kế toán trưởng (kí, họ tên)	Người nhận tiền (kí, họ tên)	Người lập biểu (kí, họ tên)	Thủ quỹ (kí, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------------	---	--	--------------------------------

Đơn vị : Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh Địa chỉ : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM	Mẫu số S19-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)
---	--

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG

Tháng 11 năm 2020

STT	Họ và tên	Chức danh	Số công	Lương cơ bản	Các khoản thu nhập khác		Lương thực tế	Các khoản phải nộp theo quy định				Còn lĩnh
					Phụ cấp	Tiền ăn trưa		BHXH(6%)	BHYT(1,5%)	BHTN(1%)	KPCĐ(1%)	
1	Nguyễn Văn Luận		22	4,420,000	2,700,000	400,000	7,520,000	451200	112800	75200	75200	6,805,600
2	Lê Thị Thúy		22	4,420,000	2,700,000	400,000	7,520,000	451200	112800	75200	75200	6,805,600
3	Vũ Công Dương		22	4,420,000	2,700,000	400,000	7,520,000	451200	112800	75200	75200	6,805,600
4	Phạm Văn Dũng		22	4,420,000	2,700,000	400,000	7,520,000	451200	112800	75200	75200	6,805,600
5	Quách Thị Thanh Thủy		18	4,420,000	2,000,000	250,000	6,670,000	400200	100050	66700	66700	6,036,350

[illegible]

2.9. Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: : Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao

Xanh

Địa chỉ: : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2020

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
02/11	PT78	02/11	Rút tiền giữ về nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
08/11	BL0082	08/11	Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN	642 334	26.988.082	26.988.082
08/11	BL0082	08/11	Các khoản trích theo lương của bộ phận QLDN	6421 6422 334 338	3.105.000 9.775.000 5.320.000	18.200.000
15/11	PC56	15/11	Chi tiền điện thoại tháng 10/2020	6422 133 112	3.000.000 300.000	3.300.000
...	...	...	...	...	...	...
05/12	PT80	05/12	Rút tiền giữ về nhập quỹ	111 112	20.000.000	20.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	GBC3112	31/12	Lãi tiền giữ T12/2020	112 515	122.693	122.693
			Tổng cộng		6.584.036.873	6.584.036.873

Biểu số 2.10. Trích sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao
Xanh

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ: : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí quản lí doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

Năm 2020

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...		
08/11	BL0082	08/11	Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN	334	26.988.082	
08/11	BL0082	08/11	Các khoản trích theo lương của bộ phận QLDN	338	18.200.000	
...	...	...	...	...		
15/11	PC56	15/11	Chi tiền điện thoại tháng 04/2020	112	3.300.000	
...	...	...	...	...		
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN quý 4	911		311.973.082
			Cộng phát sinh		311.973.082	311.973.082

Biểu số 2.11. Trích sổ chi tiết TK 642

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao
Xanh

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ : 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản 642: Chí phí quản lí doanh nghiệp

Lương bộ phận QLDN

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ			
	Số	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra		
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kì					
08/11	BL 0082	08/11	Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN	334	26.988.082			
08/11	BL082	08/11	Các khoản trích theo lương của bộ phận QLDN	338	18.200.000			
...	...	...						
			Cộng phát sinh		123.956.495			
			Ghi Có TK					

2.2.6. Kế toán thu nhập và chi phí hoạt động khác

2.2.6.1. Đặc điểm của thu nhập khác và chi phí khác của công ty

Các khoản chi phí khác hay thu nhập khác của Doanh nghiệp là những khoản thu nhập hay chi phí mà Doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính nhưng có ít khả năng thực hiện, hoặc đó là những khoản thu, chi không mang tính chất thường xuyên...

Chi phí khác của Doanh nghiệp, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

Nội dung thu nhập khác của Doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

DN sử dụng *TK 811- “Chi phí khác”* để hạch toán các khoản chi phí khác. Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các Doanh nghiệp

Còn để hạch toán các khoản thu nhập khác Doanh nghiệp sử dụng *TK 711- “Thu nhập khác”*. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp.

2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Trong năm 2020, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác

2.2.7. Kế toán kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.7.1. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

2.2.7.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

-Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Chi tiết: + Tài khoản 4211- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

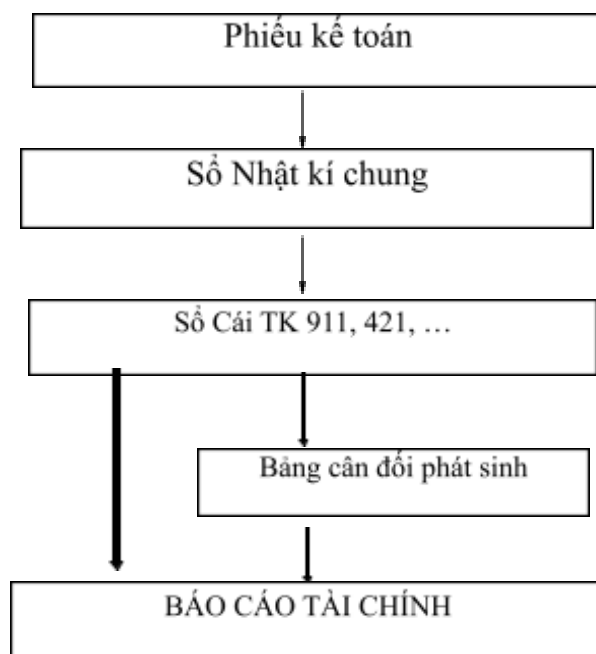
+ Tài khoản 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

2.2.7.3. Quy trình hạch toán

Cuối quý, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ vào các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ trên được ghi vào sổ Nhật kí chung, từ Sổ Nhật kí chung, từ sổ Nhật kí chung ghi vào Sổ của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh và Bảng cân đối phát sinh.



Ghi chú:

————→ : Ghi hàng ngày

————→ : Ghi định kì

Sơ đồ 3.6: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh của công ty

Biểu số 2.11. Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số: 30

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu bán hàng trong kì	511	911	1.283.032.082	
K/c doanh thu hoạt động tài chính trong kì	515	911	1.218.511	
Cộng			1.284.250.593	

Người lập

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

Biểu số 2.12. Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số: 31

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		

K/c giá vốn bán hàng trong kì	911	632	719.887.190	
K/c chi phí quản lí doanh nghiệp trong kì	911	642	311.973.082	
Cộng			1.031.860.272	

Người lập

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

Biểu số 2.13. Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số: 32

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN trong kì	821	3334	35.317.307	
Cộng			35.317.307	

Người lập

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

Biểu số 2.14. Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số: 33

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/C thuế TNDN trong kì	911	821	35.317.307	
Cộng			35.317.307	

Người lập

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

Biểu số 2.15. Phiếu kế toán**Đơn vị:** Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh**Địa chỉ:** 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số: 34

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/C LNST trong kì	911	421	217.073.014	
Cộng			217.073.014	

Người lập

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí

- Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính
Nợ TK 511: 1.284.250.593
Có TK 911: 1.284.250.593
- Kết chuyển Giá vốn hàng bán
Nợ TK 911: 719.887.190
Có TK 632: 719.887.190
- Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp
Nợ TK 911: 311.973.082
Có TK 642: 311.973.082
Kết chuyển thuế TNDN
Nợ TK 911: 35.317.307
Có Tk 821: 35.317.307
- Kết chuyển LNST
Nợ TK 911: 217.073.014
Có TK 421: 217.073.014

Biểu số 2.16. Nhật kí chung

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2020

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số TK ứng	hiệu đối	Số tiền	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
02/11	PT78	02/11	Rút tiền gửi về nhập quỹ	111 112		50.000.000	50.000.000
08/11	BL0082	08/11	Tính tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN	642 334		26.988.082	26.988.082
15/11	PC56	15/11	Chi tiền điện thoại tháng 10/2020	6422 133 112		3.000.000 300.000	3.300.000
...	...	...	...	...		...	...
31/12	PKT 30	31/12	K/c doanh thu bán hàng K/c Doanh thu hoạt động tài chính	511 515 911		1.284.250.593 1.218.511	1.284.250.593
31/12	PKT31	31/12	K/c giá vốn bán hàng trong kì K/c chi phí quản lí doanh nghiệp trong kì	632 642 911		719.887.190 311.973.082	1.031.860.272
31/12	PKT32	31/12	Xác định thuế TNDN trong kì	821 3334		35.317.307	35.317.307
31/12	PKT33	31/12	K/C thuế TNDN trong kì	911 821		35.317.307	35.317.307
31/12	PKT34	31/12	K/C LNST trong kì	911 421		217.073.014	217.073.014
			Tổng cộng			6.584.036.873	6.584.036.873

Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao
Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Năm 2020

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
31/12	PKT30	31/12	K/c doanh thu bán hàng trong kì	511		1.284.250.593
			K/c doanh thu hoạt động tài chính trong kì	515		1.218.511
31/12	PKT31	31/12	K/c giá vốn bán hàng trong kì	632	719.887.190	
			K/c chi phí quản lí doanh nghiệp trong kì	642	311.973.082	
31/12	PKT32	31/12	K/C thuế TNDN trong kì	821	35.317.307	
31/12	PKT34	31/12	K/c Lãi	421	217.073.014	
			Cộng phát sinh		1.284.250.593	1.284.250.593

Biểu số 2.18. Trích sổ cái TK 821

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu TK: 821

Năm 2020

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Phát sinh quý I			
31/12	PKT32	31/12	Xác định thuế TNDN trong kì	3334	35.317.307	
31/12	PKT33	31/12	K/C thuế TNDN trong kì	911		35.317.307
			Cộng phát sinh		35.317.307	35.317.307

Biểu số 2.19. Trích chi tiết TK 821

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao
Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11,
quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Số hiệu TK: 821

Năm 2020

SCTG	Chứng từ	Ngày	Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Nợ	Có
31/12	PKT 32	31/12	Xác định thuế TNDN trong kì	3334	35.317.307	
31/12	PKT 33	31/12	K/C thuế TNDN trong kì	911		35.317.307
			Tổng cộng		35.317.307	35.317.307

Biểu số 2.20. Trích sổ cái TK 421

Đơn vị: Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh

Địa chỉ: 102/65/2B Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Tên TK: Lợi nhận chưa phân phối

Số hiệu TK: 421

Năm 2020

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu quý 4			424.211.856
			Số phát sinh			
31/12	PKT34	31/12	K/c Lãi	911		217.073.014
			Cộng phát sinh			217.073.014
			Số dư cuối quý 4			641.284.870

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Nhận xét và kiến nghị chung về tổ chức công tác kế toán

3.1.1. Ưu điểm

* Về bộ máy kế toán: Là một doanh nghiệp tư nhân hoạt động một cách độc lập, trên cơ sở tuân thủ các quy định của Nhà nước về quyền lợi và nghĩa vụ của một Doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã chủ động xây dựng một mô hình quản lý, hạch toán khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Với bộ máy quản lý phù hợp, các phòng ban chức năng của doanh nghiệp đã phối hợp chặt chẽ với nhau, hoạt động có hiệu quả hỗ trợ cho lãnh đạo doanh nghiệp trong việc sản xuất kinh doanh.

Bộ máy kế toán được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất, góp phần đắc lực vào công tác quản lý giám sát tài chính của Doanh nghiệp. Với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình trong công việc, lại được bố trí phù hợp với trình độ khả năng của mỗi người, tạo điều kiện nâng cao năng lực bản thân, hoàn thành công việc được giao. Nhờ vậy, mọi chi phí phát sinh đều được tính toán phân tích phục vụ cho công tác tính giá thành kịp thời và cung cấp thông tin cho quản lý. Bên cạnh đó, kế toán doanh nghiệp đã biết vận dụng lý luận vào thực tế một cách phù hợp.

* Về tổ chức công tác kế toán: Để bắt kịp với xu thế chung, với yêu cầu của nền kinh tế thị trường đòi hỏi kế toán phải thu thập, xử lý cung cấp các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Đồng thời đảm bảo lưu trữ bảo quản số liệu kế toán an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng công tác kế toán, giảm được chi phí hạch toán.

* Về công tác hạch toán ban đầu: Từ công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ được kế toán doanh nghiệp tiến hành khá cẩn thận, đảm bảo cho số liệu hạch toán có căn cứ pháp lý, đầy đủ chính xác theo yêu cầu của nhà nước.

Doanh nghiệp đã chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước quy định, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên hệ thống sổ sách. Nhờ đó công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp đã góp phần không nhỏ trong việc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao.

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán đã làm được thì quá trình tổ chức kế toán còn tồn tại một số vướng mắc, hạn chế cần khắc phục:

3.1.2. Hạn chế

Doanh nghiệp áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ đòi hỏi lượng sổ sách sử dụng nhiều, rất khó áp dụng phần mềm kế toán máy trong công tác hạch toán. Hiện nay doanh nghiệp không tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân viên làm ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2. Nhận xét và kiến nghị về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp, trên cơ sở những kiến thức đã được học tại trường, dưới góc độ là một sinh viên thực tập tại em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp.

- Ban điều hành doanh nghiệp nên thường xuyên tạo điều kiện bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên học tập, nâng cao trình độ để phục vụ cho doanh nghiệp ngày càng hiệu quả hơn.

- Doanh nghiệp nên đầu tư vào phần mềm kế toán, hạn chế kế toán thủ công để công việc được thuận lợi, chính xác và nhanh chóng hơn.

- Doanh nghiệp nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để tránh ảnh hưởng của sự biến động giá cả thị trường đến kết quả sản xuất kinh doanh hàng kỳ.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay để thích ứng với cơ chế thị trường đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh có lãi, sự thành công vững vàng của doanh nghiệp luôn gắn liền với giải pháp đúng đắn biết chủ động nghiên cứu thị trường, đánh giá đúng mức khả năng hiện có của doanh nghiệp, cải tiến công tác quản lý, đổi mới công nghệ, phát huy ưu thế, chiếm lĩnh thị trường nhằm không ngừng nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh, cơ sở sử dụng các nguồn nhân tài vật lực, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Tin học Viễn thông Sao Xanh, tuy thời gian thực tập là không dài nhưng em đã nhận thức thêm được rất nhiều điều bổ ích, được làm quen dần với công việc kế toán, hiểu được sự quan trọng và vai trò to lớn của công tác kế toán trong doanh nghiệp. Nhờ có công tác kế toán mà lãnh đạo doanh nghiệp có thể nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị, tình hình hoạt động, làm việc của công nhân viên trong doanh nghiệp để đưa ra được những biện pháp hợp lý hơn, ngoài ra còn giúp cho việc ra quyết định chính xác hơn. Tại trường em được học về lý thuyết kế toán, thì tại doanh nghiệp em có cơ hội được vận dụng những kiến thức trong sách vở vào thực tiễn, được biết thêm và làm quen dần với nghề nghiệp mà em sẽ làm trong tương lai. Đó là một cơ hội vô cùng quý báu.

Với thời gian thực tập có hạn nên không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong sự đóng góp nhiệt tình của quý thầy cô và anh chị phòng kế toán tài chính doanh nghiệp.

Em xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới cô giáo hướng dẫn ...đã tận tình chỉ bảo cho em, các thầy cô trong khoa kế toán và lời cảm ơn đặc biệt tới Ban lãnh đạo doanh nghiệp; các anh, chị trong phòng kế toán đã giúp đỡ em hoàn thành tốt báo cáo thực tập tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

, ngày tháng năm 2021
Sinh viên